

BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM CUỘC THI TRỰC TUYẾN
“Tìm hiểu Luật Tiếp cận thông tin và dịch vụ công trực tuyến
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”

A – LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN (15 CÂU)

Câu 1. Theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, công dân có những quyền nào sau đây?

A. Được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch, thuận lợi; được khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin theo quy định.

B. Được yêu cầu cung cấp mọi thông tin của cơ quan nhà nước, không phụ thuộc vào phạm vi thông tin được tiếp cận theo quy định của pháp luật.

C. Được tự quyết định thời hạn và hình thức cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước.

D. Được yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin mà không phải tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Câu 2. Người dưới 18 tuổi thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin theo cách nào?

A. Chỉ được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật.

B. Có thể tự mình hoặc được sự đồng ý của người đại diện hoặc thông qua người đại diện theo pháp luật dân sự, trừ trường hợp Luật Trẻ em và luật khác có quy định khác.

C. Chỉ được tự mình yêu cầu khi đã đủ 16 tuổi.

D. Không được yêu cầu cung cấp thông tin cho đến khi đủ 18 tuổi.

Câu 3. Công dân có thể tiếp cận thông tin bằng những phương thức nào?

A. Tự do tiếp cận thông tin.

B. Chỉ tiếp cận bằng phương thức yêu cầu cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin.

C. Tự do tiếp cận thông tin được cơ quan, đơn vị công khai hoặc yêu cầu cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin.

D. Tiếp cận thông tin thông qua cơ quan báo chí hoặc người đại diện.

Câu 4. Theo Luật Tiếp cận thông tin năm 2026, ai có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin?

- A. Chỉ người yêu cầu cung cấp thông tin.
- B. Công dân.
- C. Chỉ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- D. Chỉ người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Câu 5. Công dân không được tiếp cận những nhóm thông tin nào sau đây?

- A. Chỉ thông tin thuộc bí mật nhà nước và bí mật công tác.
- B. Chỉ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và bí mật kinh doanh.
- C. Thông tin thuộc bí mật nhà nước (trừ thông tin đã được giải mật); thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, dữ liệu cá nhân; bí mật kinh doanh; thông tin có thể gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng, gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe, quyền và lợi ích hợp pháp hoặc tài sản của cơ quan, tổ chức hoặc người khác; bí mật công tác; thông tin về cuộc họp và công việc nội bộ của cơ quan, đơn vị.
- D. Tất cả thông tin do cơ quan, đơn vị tạo ra hoặc quản lý.

Câu 6. Điều kiện để tiếp cận thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và bí mật kinh doanh là gì?

- A. Chỉ cần người yêu cầu cam kết không phổ biến thông tin.
- B. Phải có sự đồng ý của người có thông tin riêng tư, bí mật cá nhân; các thành viên gia đình đối với bí mật gia đình; chủ sở hữu bí mật kinh doanh đối với thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh.
- C. Mọi thông tin này đều phải được công khai sau 30 ngày.
- D. Chỉ được tiếp cận khi có quyết định của Tòa án.

Câu 7. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trường hợp nào người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thể quyết định cung cấp thông tin riêng tư, dữ liệu cá nhân, bí mật gia đình hoặc bí mật kinh doanh mà không cần sự đồng ý?

- A. Khi người yêu cầu cam kết sử dụng thông tin vào mục đích nghiên cứu.
- B. Khi thông tin đã được cơ quan, đơn vị nắm giữ trên 05 năm.

C. Khi có từ hai người trở lên cùng yêu cầu.

D. Trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan.

Câu 8. Trường hợp pháp luật chưa quy định cụ thể về thời điểm công khai thông tin, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải công khai thông tin chậm nhất trong thời hạn bao lâu kể từ ngày tạo ra thông tin?

A. 05 ngày làm việc.

B. 07 ngày làm việc.

C. 10 ngày.

D. 12 ngày.

Câu 9. Đối với những thông tin được công khai bằng hình thức niêm yết mà pháp luật chưa quy định cụ thể về thời hạn niêm yết thì thông tin phải được niêm yết trong thời gian tối thiểu là bao lâu?

A. 10 ngày.

B. 15 ngày.

C. 30 ngày.

D. 45 ngày.

Câu 10. Khi công dân kiến nghị về việc thông tin đã được công khai không chính xác, chậm nhất trong thời hạn bao lâu kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kiểm tra và trả lời công dân?

A. 05 ngày làm việc.

B. 10 ngày.

C. 12 ngày.

D. 30 ngày.

Câu 11. Tại trụ sở cơ quan, đơn vị, người yêu cầu cung cấp thông tin có được sử dụng điện thoại di động hoặc phương tiện kỹ thuật cá nhân để sao, chụp, tải thông tin không?

A. Không được sử dụng trong mọi trường hợp.

B. Chỉ được sử dụng khi có văn bản cho phép.

C. Chỉ được sử dụng đối với thông tin đã công khai trên Internet.

D. Được sử dụng, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định khác.

Câu 12. Khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin, công dân phải thanh toán khoản chi phí nào?

A. Phí tiếp cận thông tin do cơ quan cung cấp tự quy định.

B. Phí và lệ phí tính theo số trang tài liệu được cung cấp.

C. Công dân được cung cấp thông tin không phải trả phí, lệ phí, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định khác. Người yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin, trừ trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23 của Luật Tiếp cận thông tin (thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai; thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được) thì không phải trả chi phí.

D. Không phải thanh toán bất kỳ khoản chi phí nào, kể cả chi phí in, sao, chụp tài liệu.

Câu 13. Theo Luật Tiếp cận thông tin năm 2026, thời hạn cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin cho công dân kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ là bao lâu?

A. Chậm nhất 12 ngày, có thể gia hạn tối đa không quá 12 ngày theo quy định.

B. Chậm nhất 10 ngày.

C. Chậm nhất 15 ngày làm việc.

D. Chậm nhất 30 ngày.

Câu 14. Cơ quan, đơn vị có thể từ chối cung cấp thông tin khi thông tin đó đã được cung cấp bao nhiêu lần cho chính người yêu cầu mà không có lý do chính đáng?

A. 01 lần.

B. 02 lần.

C. 03 lần.

D. 04 lần.

Câu 15. Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16 có hiệu lực thi hành từ ngày nào?

A. Ngày 23 tháng 4 năm 2026.

B. Ngày 01 tháng 7 năm 2026.

C. Ngày 01 tháng 01 năm 2027.

D. Ngày 01 tháng 9 năm 2026.

B - DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN (15 CÂU)

Câu 16. Theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia, khi hồ sơ trực tuyến đã được Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận, việc thông báo tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ phải được gửi cho tổ chức, cá nhân chậm nhất trong thời hạn nào?

A. Trong 02 giờ.

B. Trong 04 giờ làm việc.

C. Không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ (hoặc theo thời hạn do pháp luật chuyên ngành quy định).

D. Trong 03 ngày làm việc.

Câu 17. Khi thực hiện thủ tục hành chính, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nào sau đây?

A. Chỉ cung cấp thông tin khi cơ quan nhà nước yêu cầu nhiều lần.

B. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác của giấy tờ trong hồ sơ và cung cấp đầy đủ thông tin có liên quan.

C. Được tự sửa đổi hồ sơ sau khi đã có kết quả giải quyết.

D. Có thể kê khai không đầy đủ nếu thiếu thông tin sẽ bổ sung sau.

Câu 18. Theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính, tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính không được thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Đề nghị được hướng dẫn, giải thích về trình tự, thủ tục hành chính.

B. Theo dõi, tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ theo quy định.

C. Dùng các thủ đoạn khác để lừa dối, hối lộ cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

D. Bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Câu 19. Theo quy định hiện hành, tổ chức, cá nhân có thể thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến bằng hình thức nào?

A. Chỉ trên Cổng thông tin điện tử của bộ, ngành.

B. Chỉ trên Cổng dịch vụ công của địa phương.

C. Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

D. Chỉ thông qua ứng dụng ngân hàng.

Câu 20. Theo Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công quốc gia cung cấp những thông tin nào sau đây?

A. Chỉ thông tin về văn bản quy phạm pháp luật.

B. Thông tin về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, quyết định công bố thủ tục hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

C. Chỉ thông tin tuyển dụng của cơ quan nhà nước.

D. Chỉ thông tin thống kê kinh tế - xã hội.

Câu 21. Theo Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia, tổ chức, cá nhân đăng nhập Cổng Dịch vụ công quốc gia bằng tài khoản nào?

A. Tài khoản thư điện tử cá nhân.

B. Tài khoản mạng xã hội.

C. Tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật.

D. Tài khoản do từng bộ, ngành tự cấp.

Câu 22. Theo quy định, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến được yêu cầu dừng hoặc điều chỉnh nội dung hồ sơ thông qua chức năng của Cổng Dịch vụ công quốc gia trong khoảng thời gian nào?

A. Kể từ khi hệ thống tiếp nhận thành công hồ sơ đến trước khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết thủ tục hành chính hoặc có văn bản thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

B. Kể từ khi tạo hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đến trước khi hệ thống tiếp nhận hồ sơ.

C. Chỉ trong thời gian cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đang kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ.

D. Bất cứ thời điểm nào trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

Câu 23. Sau khi nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, người dân sẽ nhận được thông tin nào đầu tiên?

A. Quyết định giải quyết thủ tục hành chính.

B. Phản hồi tự động ghi nhận việc nộp hồ sơ trực tuyến.

C. Giấy chứng nhận kết quả.

D. Phiếu khảo sát mức độ hài lòng.

Câu 24. Khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình, người dân phải nộp lệ phí bằng bao nhiêu so với mức lệ phí thông thường?

A. 25% mức lệ phí quy định.

- B. 50% mức lệ phí quy định.
- C. 75% mức lệ phí quy định.
- D. 100% mức lệ phí quy định.

Câu 25. Theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân có quyền nào sau đây khi thực hiện thủ tục hành chính?

- A. Được phản ánh, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về sự không cần thiết, tính không hợp lý và không hợp pháp của thủ tục hành chính.
- B. Được tự quyết định thay đổi thành phần hồ sơ thủ tục hành chính.
- C. Được yêu cầu cơ quan nhà nước giải quyết hồ sơ ngoài trình tự pháp luật quy định.
- D. Được miễn thực hiện mọi nghĩa vụ tài chính khi thực hiện thủ tục hành chính.

Câu 26. Theo Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia, khi sử dụng dịch vụ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tổ chức, cá nhân phải sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia cho mục đích nào?

- A. Mọi mục đích theo nhu cầu của người sử dụng.
- B. Sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia vào mục đích hợp pháp và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động được thực hiện bằng tài khoản của mình.
- C. Chỉ để tra cứu thông tin.
- D. Chỉ để thanh toán trực tuyến.

Câu 27. Khi thực hiện thủ tục hành chính, nếu các thành phần hồ sơ đã có dữ liệu điện tử hợp lệ và được kết nối, chia sẻ giữa các cơ sở dữ liệu thì tổ chức, cá nhân phải thực hiện như thế nào?

- A. Phải nộp lại toàn bộ giấy tờ bản giấy.
- B. Không phải khai lại thông tin hoặc nộp lại giấy tờ, tài liệu đã có dữ liệu điện tử hợp lệ.
- C. Chỉ được sử dụng bản giấy.
- D. Phải xác nhận lại tại UBND cấp xã.

Câu 28. Theo quy định hiện hành, người nộp lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính được lựa chọn hình thức nộp lệ phí nào sau đây?

- A. Chỉ được nộp trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.
- B. Chỉ được nộp thông qua ngân hàng.
- C. Trực tiếp nộp hoặc chuyển vào tài khoản thụ hưởng của cơ quan có thẩm quyền; trực tuyến thông qua chức năng thanh toán của Cổng Dịch vụ công quốc gia và các nền tảng thanh toán hợp lệ khác; các phương thức khác theo quy định của pháp luật

D. Chỉ được nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

Câu 29. Theo quy định, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính được hiểu là gì?

A. Chỉ cho phép tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả tại cơ quan nơi thường trú hoặc nơi đặt trụ sở.

B. Cho phép tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại bất kỳ Bộ phận Một cửa để thuận tiện cho việc thực hiện của tổ chức, cá nhân, không phân biệt cấp chính quyền, địa giới hành chính nơi cư trú, nơi đặt trụ sở hoặc nơi đã cấp các loại giấy tờ cho tổ chức, cá nhân.

C. Cho phép tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua hình thức trực tuyến qua ứng dụng VNeID.

D. Cho phép tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính áp dụng đối với các thủ tục hành chính do cơ quan cấp tỉnh giải quyết.

Câu 30. Theo Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, những thủ tục hành chính nào sau đây thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên?

A. Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước.

B. Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

C. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014.

D. Tất cả các đáp án đều đúng.